

THAY ĐỔI HỌC PHÍ NGÀNH GIÁO DỤC: NÊN HAY KHÔNG?

THÁI CHÍ BÌNH *

1-ĐẶT VẤN ĐỀ:

Cùng với xu thế thời đại, Việt Nam sẽ chính thức là thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương Mại Thế giới(WTO) kể từ ngày 11/01/2007. Đây là sự kiện đánh dấu một bước ngoặt lớn của đất nước: Con thuyền Việt Nam đã rời bỏ dòng sông nhỏ để vào biển lớn. Vấn đề không nằm ở con thuyền Việt Nam đã lớn bao nhiêu mà ở chỗ cấu trúc vững chắc và chất lượng vật liệu làm nên con tàu. Tất cả phải sẵn sàng đương đầu với phong ba bão tố của biển thương mại thế giới, với luật chơi khắc nghiệt nhưng sóng phẳng lạnh lùng. Sự vững chắc, nhanh nhạy của con thuyền Việt Nam có vai trò rất lớn của ngành giáo dục. Mọi động thái trong quá trình phát triển của ngành giáo dục tất yếu sẽ tác động đến kết cấu và chất lượng “con tàu Việt Nam”. Do đó khi chúng ta khẳng định “giáo dục là quốc sách hàng đầu”, “là hướng chiến lược đúng, trong giai đoạn mở cửa hội nhập với thế giới. Trong bối cảnh và vận hội mới hiện nay chấn chỉnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả của ngành giáo dục cũng là một yêu cầu tất yếu, khách quan của sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước. Mới đây trong kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo được thông tin trên báo, đài có đề cập đến việc điều chỉnh học phí cho các cấp học thuộc hệ thống của ngành giáo dục. Đây là một yêu cầu nhưng cũng là một chính sách thể hiện đặc trưng của Nhà nước Việt Nam: Thực hiện cơ chế thị trường mở, có định hướng xã

hội chủ nghĩa. Do đó việc thay đổi các chính sách luật pháp phù hợp với xu thế toàn cầu hóa nền kinh tế xã hội thế giới là nên hay không nên?

2-HƯỚNG GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ:

Căn cứ vào nội dung chấn chỉnh và đổi mới của ngành giáo dục, khi đề cập đến vấn đề học phí ở các cấp học, có lẽ chúng ta đã thấy được câu trả lời: Nên! Vậy thì điều gì nên tiến hành và điều gì nên không tiến hành.

2.1-Nên tiến hành:

Theo chúng tôi có 3 lý do bức thiết:

-Xét về mặt quá trình thực hiện tiến độ hội nhập vào nền kinh tế thị trường, nền kinh tế nói chung, lãnh vực giáo dục của chúng ta nói riêng vẫn còn chưa thoát khỏi những quán tính của cơ chế quan liêu bao cấp do đó “bao cấp-xin cho” là căn bệnh không thể tồn tại trong cơ chế thị trường có qui mô toàn cầu.

-Hệ thống giáo dục nước ta đang đứng trước một thách thức quan trọng là cần phải thay đổi về cấu trúc lẫn chất lượng giáo dục đào tạo khi hội nhập. Việc xác lập chỉ tồn tại 2 hệ thống giáo dục công lập và tư thực là bước khởi đầu cho một quá trình cải cách hệ thống giáo dục. Nói một cách khác, chúng ta thừa nhận có 2 hệ thống quản lý giáo dục: tư nhân và nhà nước, do đó việc điều chỉnh học phí trong trường công (nên tiến tới miễn học phí và

* Cán bộ Ban Thanh tra, ĐH Mở TP.HCM

được hưởng chế độ học bổng), nếu có phải phù hợp mức thu nhập thực của đa số người dân (mà cho đến nay đang ở ngưỡng chịu đựng của họ); trái lại đối với loại hình tư thục hãy để nhà đầu tư (chứ không phải nhà đầu tư trá hình) nên để họ tự quyết định qui mô cơ sở hạ tầng, ngành nghề đào tạo, học phí, miễn sao đáp ứng đầy đủ về pháp lý cũng như tiêu chuẩn được quy định bởi luật pháp nước ta.

-Trong một giai đoạn nhất định, nguồn lực dành cho giáo dục còn hạn chế chúng ta cần huy động nguồn lực xã hội cho sự nghiệp giáo dục thì việc thu học phí ở các cấp học là giải pháp tình thế. Do đó điều chỉnh mức học phí cho phù hợp và thể hiện sự công bằng, tình nghĩa của chính sách xã hội là thỏa đáng.

-Với tư cách là thành viên của WTO chúng ta cần phải hiểu rõ ràng hoạt động giáo dục cũng là loại hình hoạt động dịch vụ vì thế việc đóng học phí hay không và khả năng đóng là tùy thuộc vào người hưởng thụ dịch vụ giáo dục và người cung cấp dịch vụ chủ yếu đối với hệ thống các trường tư thục. Do đó chúng ta với vai trò nhà nước chỉ thực hiện việc quản lý theo luật giáo dục và các bộ luật có liên quan như luật dân sự, luật đầu tư... mà không thể can thiệp vào việc ấn định vấn đề học phí của họ.

2.2-Nên không tiến hành:

Theo chúng tôi cũng có 3 lý do bức thiết:

-Trong cơ chế thị trường, không có nghĩa là không có “bao cấp” cái bao cấp cần thiết để giữ vững phẩm chất truyền thống văn hoá và nhanh chóng tiếp thu khoa học công nghệ hiện đại vẫn rất cần thiết. Ngược lại chúng ta phải kiên quyết xóa ngay những chính sách “ưu đãi”, bảo trợ cho các cơ sở giáo dục đào tạo ngoài công lập còn “lưỡng tính” nhập nhằng về cơ sở, nhân lực cũng như thiết bị thực hành thực tập thí nghiệm.

-Trước đây, do một thời khuyến khích và để cho tồn tại trong hệ thống giáo dục cơ chế tự cứu mình. Nay trong một cơ chế thị trường đòi hỏi phải công khai, minh bạch do đó việc chấm dứt các phương án thu học phí để dẫn tới bất công, phạm pháp như vụ việc ở

Trường PTTH Lê Quý Đôn là một minh chứng cho những hệ quả kéo dài này.

-Xã hội hoá giáo dục cần phải được minh định theo hướng tự nguyện, hợp pháp và nhân bản. Việc quy định và thu học phí các cấp học ở trường công lập cần phải xem xét một cách thận trọng bởi nó không phù hợp với những chuẩn mực được quy định bởi luật pháp nhất là từ cấp học tiểu học đến phổ thông cơ sở, là cấp trong mục tiêu phổ cập giáo dục quốc gia. Trong điều kiện hiện nay, mức sống trung bình có tăng, nhưng khoảng cách giàu nghèo ngày càng rộng, nhất là ở vùng nông thôn, trung du miền núi. Nguy cơ thất học do thu nhập thấp, học phí cao là có thật. Cái chúng ta nên không tiến hành thu học phí là ở đây. Mọi công dân đều bình đẳng về nghĩa vụ nộp thuế. Tất cả dù thu nhập thấp, nhưng họ cũng đã gián tiếp nộp thuế qua tiêu dùng hàng ngày. Họ xứng đáng được thụ hưởng phúc lợi xã hội của nhà nước mà cụ thể nhất là giáo dục y tế.

3-KIẾN NGHỊ GIẢI PHÁP:

Qua những vấn đề được nêu và phân tích ở trên, chúng tôi xin kiến nghị 3 giải pháp cơ bản sau:

3.1-Hãy nhanh chóng xác lập hệ thống giáo dục: Công lập và Tư thục.

3.1.1-Trong công lập cũng cần xác lập cơ chế mục tiêu cho từng loại hình đào tạo:

-Cấp Tiểu học và Trung học:

Mở rộng các loại hình giáo dục. Nhanh chóng thực hiện giáo dục phổ cập miễn phí theo chiến lược phát triển giáo dục phổ cập từ tiểu học đến trung học cơ sở. Đây là ưu điểm của chính sách xã hội của nhà nước ta, nhất là ở vùng nông thôn, miền trung du miền núi. Những người dân ở vùng này thu nhập đầu người thấp họ rất đáng được hưởng sự điều chỉnh thu nhập xã hội từ nguồn thuế và lợi nhuận có được trong vùng.

-Cấp Đại học:

Thu hẹp các loại hình Đại học truyền

thống theo cơ chế quá độ từ bao cấp sang cơ chế thị trường để tăng cường vai trò mũi nhọn, hàng đầu của giáo dục phát triển, hội nhập: Chúng ta đang chuyển đổi dứt khoát sang cơ chế thị trường có định hướng xã hội chủ nghĩa nhưng hệ thống đào tạo đại học của chúng ta vẫn còn ì ạch với “chiếc xe giáo dục” nặng nề vì những hệ lụy từ cơ chế quản lý “quan liêu bao cấp”, “tự cứu mình”. Những mô hình đào tạo “trùng lặp, dàn trải”, xen kẽ với “độc quyền” làm cho hệ thống giáo dục đại học công lập của chúng ta không năng động và kém hiệu quả. Sắp xếp vai trò chức năng đào tạo của các trường công lập để tập trung đầu tư về cơ sở vật chất cũng như con người cho mục tiêu công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.

3.1.2-Trong hệ thống trường Tư thục:

Xây dựng cơ chế luật pháp quản lý hệ thống giáo dục tư thục phù hợp với chuẩn mực khu vực và thế giới. Hệ thống này là thước đo mức độ thu nhập đầu người thực cũng như trình độ của hệ thống giáo dục tư thục. Sự chọn lựa của người dân giữa hai hệ thống giáo dục công lập và giáo dục tư thục nó vừa thể hiện tính phát triển nhưng đồng thời thể hiện tính nhân văn của ngành giáo dục quốc gia. Hệ thống giáo dục tư thục phát triển mạnh bên cạnh hệ thống giáo dục công lập vững vàng ở cơ sở (phổ cập giáo dục); phát triển sắc sảo ở thượng tầng (sáng tạo, phát minh) phải là mục tiêu của ngành giáo dục.

3.2-Phát triển nguồn lực tài chính cũng như con người cho giáo dục:

3.2.1-Nguồn lực tài chính:

Căn cứ vào thực trạng nền tài chính quốc gia để xác lập bước đi cho đầu tư giáo dục. Theo chúng tôi có 3 giai đoạn phát triển:

-Giai đoạn 1: Hệ thống công lập chiếm 85%; hệ thống tư thục chiếm 15%: giai đoạn này là quá trình điều chỉnh vốn đầu tư cơ sở vật chất từ diện rộng sang trọng điểm của hệ thống công lập, trong khi hệ thống tư thục đầu tư điểm chuyển dần sang diện rộng (khi chúng ta có chính sách và luật pháp thích hợp).

-Giai đoạn 2: Hệ thống công lập (50%)

và hệ thống tư thục (50%) có qui mô và ngành nghề phát triển ổn định. Sự phân biệt ranh giới giữa 2 hệ thống này còn rõ ràng về mặt chất lượng cũng như về mặt học phí. Giai đoạn này có sự tham gia của hệ thống doanh nghiệp vào quá trình giáo dục, đào tạo.

-Giai đoạn 3: Hai hệ thống này phát triển ổn định qui mô, cùng hướng tới mục tiêu chất lượng, hiệu quả. Tương quan giữa hai hệ thống về qui mô có thay đổi: Công lập (15%), Tư thục (85%) nhưng chất lượng như nhau và hình thành những “thương hiệu giáo dục” trong Khu vực.

3.2.2-Xây dựng và tăng cường nguồn lực con người:

Nguồn lực con người quyết định qui mô, tốc độ và chất lượng quá trình phát triển giáo dục đào tạo. Do đó, nền giáo dục nước ta phải bước đi trên đôi chân của mình: Một được xây dựng từ hệ thống đào tạo trong nước và một từ chính sách “chiêu hiền đãi sĩ” bên ngoài. Như đã trình bày, nguồn nhân lực trong nước chủ yếu đặt nặng lên đôi vai của hệ thống trường công lập và các trường tư thục, trong đó vai trò mũi nhọn của trường công lập là quan trọng. Vì thế ngay trong giai đoạn 1 phát triển giáo dục bên cạnh việc đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, cũng cần xây dựng chế độ chính sách cho việc xây dựng con người đúng tầm cỡ khu vực, bảo đảm cho việc hoạt động cũng như sinh hoạt của thầy cô giáo, của nhà khoa học được thuận lợi để họ toàn tâm toàn ý cho sự nghiệp giáo dục đào tạo.

Đối với chính sách “chiêu hiền đãi sĩ”, tuy là đường lối đã được nhiều quốc gia trong khu vực thực hiện thành công trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của từng nước, nhưng nó vẫn còn là phương cách hữu hiệu cho chúng ta nếu biết khai thác tốt yếu tố thời đại của Việt Nam. Yếu tố này hội tụ từ 3 tính chất đặc trưng của thế kỷ XXI: Xu thế toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới, Việt Nam đổi mới, hội nhập cùng thế giới và mục tiêu dân giàu nước mạnh xã hội công bằng dân chủ văn minh.

Yếu tố này cho phép chúng ta nắm lấy cơ hội xây dựng nguồn nhân lực từ nhiều nguồn mà trong đó một nguồn nhân lực mà

các nước trong khu vực như Singapore, Malaysia, Thái Lan chưa có trước đây là Kiều dân. Do hoàn cảnh lịch sử và do suốt một thế kỷ Việt Nam là một quốc gia có mối quan hệ giao lưu quốc tế rộng và đa dạng ở trình độ phát triển, nên nguồn nhân lực Việt Nam từ khắp các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới sẽ góp phần rất lớn hình thành động lực (trực tiếp) hoặc đầu mối (gián tiếp) cho quá trình phát triển kinh tế xã hội ở nước ta, nhất là trong lãnh vực giáo dục đào tạo.

3.3-Tăng cường năng lực quản lý xã hội trên cơ sở ứng dụng thiết bị kỹ thuật công nghệ mới để phục vụ sự nghiệp phát triển giáo dục.

Đây là lãnh vực mềm nhưng lại có tác dụng rất lớn trong quá trình phát triển xã hội theo hướng hiện đại hóa. Do đó những tiến bộ trong lãnh vực quản lý xã hội sẽ góp phần rất lớn cho sự nghiệp phát triển giáo dục. Có 3 mục tiêu cần phải đạt được, trong quá trình cải cách hành chính, cải cách lãnh vực quản lý xã hội.

-Hệ thống quản lý cấp phường xã cần phải được đặc biệt quan tâm nhằm đạt được mục tiêu gần dân, phục vụ nhu cầu chính đáng, hợp pháp của người dân trong sinh hoạt, học tập; nhưng đồng thời kiên trì thực hiện đầy đủ những nghĩa vụ của người dân theo đúng qui định của luật pháp, trong đó có 2 nội dung lớn là xây dựng môi trường văn hóa giáo dục và môi trường sản xuất kinh doanh nhỏ.

-Xây dựng một hệ thống quản lý giáo dục trên cơ sở các mục tiêu của tiến trình phát triển giáo dục theo chuẩn mực được qui định

phù hợp, minh bạch cho từng đơn vị chức năng. Xác lập tính chuyên nghiệp trong từng cấp, từng lãnh vực quản lý đồng thời tách biệt độc lập giữa quản lý nghiệp vụ với các loại hình dịch vụ (nhằm mục đích tăng thu nhập nội bộ đơn vị).

-Sử dụng công cụ điều tiết thu nhập đầu người của các thành phần kinh tế qua chính sách lương bổng, chính sách thuế thu nhập cá nhân, doanh nghiệp. Xây dựng một hệ thống quản lý xã hội trong lãnh vực tài chính công, trước mắt chúng ta cần khắc phục ngay tình trạng lạm thu hoặc thất thu trong hệ thống quản lý hành chính và thuế vụ: Trường hợp thứ nhất để làm nản lòng người dân, làm đình đốn sản xuất; trường hợp thứ hai phát sinh tệ nạn hối lộ tham nhũng gây thất thoát lớn cho ngân sách nhà nước. Hệ quả gây ra của 2 tình huống này ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế xã hội của đất nước trong đó có ngành giáo dục.

4-KẾT LUẬN:

Để đạt được mục tiêu phát triển CNH-HĐH đến năm 2020, chúng ta phải nhanh chóng rút ngắn giai đoạn 1, coi đây là giai đoạn khắc phục sức ì do quán tính của những hệ quả của cơ chế cũ, trong đó có vấn đề học phí đồng thời tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và xây dựng nội dung chương trình cho hệ thống giáo dục công lập; song song với việc xây dựng chính sách thu hút đầu tư nước ngoài cho hệ thống giáo dục tư thục tạo động lực thúc đẩy nhanh việc thực hiện giai đoạn 2 của quá trình phát triển giáo dục của đất nước ta, giai đoạn phát triển theo chuẩn mực khu vực và thế giới.